

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HN-ST
Ngày: 25 - 03 - 2021
V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,
Nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Tân Dân
2. Ông Phan Trọng Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Mộng G** - Sinh năm: 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G;

2. *Bị đơn:* **Dương Văn L** - Sinh năm: 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng G trình bày:*

Chị và anh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 27/9/2002 tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L không lo làm ăn để cải thiện kinh tế gia đình, nên vợ chồng cãi nhau, chị khuyên anh nhiều lần nhưng anh không

thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2020 thì trầm trọng nên đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 04 con chung tên Dương Tiết T, sinh ngày 10/6/2002; Dương Tiết C, sinh ngày 12/8/2003; Dương Tiết Q, sinh ngày 02/10/2011; Dương Bảo N, sinh ngày 18/5/2017. Hiện cháu T đã trưởng thành; cháu Cương, Q, N đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi ba con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Dương Văn L vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh có trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 01 năm 2021:*

Anh và chị G tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, chỉ có cãi nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng. Cách đây 5-6 tháng, chị G có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh khuyên chị G nhiều lần nhưng chị G không thay đổi nên chị G xin ly hôn với anh. Anh và chị G đã sống ly thân đến nay 5-7 tháng. Anh cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ, nhưng anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 04 con chung tên Dương Tiết T, sinh ngày 10/6/2002; Dương Tiết C, sinh ngày 12/8/2003; Dương Tiết Q, sinh ngày 02/10/2011; Dương Bảo N, sinh ngày 18/5/2017. Cháu T đã trưởng thành, anh đồng ý giao cháu Cương, cháu Q, cháu N cho chị G nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Mộng G được ly hôn với anh Dương Văn L.

+ Về con chung: giao 03 con chung tên Dương Tiết C, sinh ngày 12/8/2003; Dương Tiết Q, sinh ngày 02/10/2011; Dương Bảo N, sinh ngày 18/5/2017 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị G về việc xin ly hôn, nuôi con chung*: Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị G và anh L có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/9/2002 nên quan hệ hôn nhân của chị G và anh L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị G trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh L không lo kinh tế gia đình nên vợ chồng cãi nhau, chị khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Anh L không dự phiên tòa, nhưng bản G lời khai ngày 18/01/2021 của anh trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ có cãi nhau nhưng chưa đến mức trầm trọng, cách đây 5-6 tháng do vợ có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ xin ly hôn. Qua xem xét nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của anh chị, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nên đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân đến nay đã lâu nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm với nhau. Anh L cho rằng còn thương vợ nhưng không tham dự phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa, chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] *Về con chung*: anh, chị xác định có 04 con chung tên Dương Tiết T, sinh ngày 10/6/2002; Dương Tiết C, sinh ngày 12/8/2003; Dương Tiết Q, sinh ngày 02/10/2011; Dương Bảo N, sinh ngày 18/5/2017. Hiện cháu T đã trưởng thành; cháu C, cháu Q, cháu N đang do chị G trực tiếp nuôi. chị G đề nghị tiếp tục nuôi con. Xét thấy cháu C, cháu Q, cháu N đang do chị G trực tiếp nuôi và cháu C và cháu Q có nguyện vọng được sống với chị G; anh L đồng ý để các cháu cho chị G nuôi dưỡng Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị G cho rằng hiện tại thu nhập đủ khả năng nuôi các con nên chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị G, anh L xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: chị G yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh L không phải chịu án phí.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng G.

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận chị Nguyễn Thị Mộng G và anh Dương Văn L thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Nguyễn Thị Mộng G được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Dương Tiết C, sinh ngày 12/8/2003; Dương Tiết Q, sinh ngày 02/10/2011; Dương Bảo N, sinh ngày 18/5/2017.

- Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Ghi và các thành viên trong gia đình chị Ghi không được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị G chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị G phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49579 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị G đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ghi được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thới;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

